

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2025-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Căn cứ Kết luận số 76-KL/TU ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 15 tháng 12 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 367/TTr-STC ngày 11 tháng 11 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2025-2030

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về Số lượng, phương thức quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2025-2030.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Các Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

## **Điều 2. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung**

Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2025-2030 được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

## **Điều 3. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung**

Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc bố trí sử dụng cho phù hợp.

## **Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung (không bao gồm Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Phú Thọ và Đảng ủy cấp xã)**

Phân cấp thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định các nội dung khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng quy định hiện hành. Hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện sắp xếp lại xe ô tô phục vụ công tác chung hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản chi tiết thi hành Luật.

3. Kho bạc Nhà nước Khu vực VIII căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung kèm theo Quyết định này, thực hiện kiểm soát chi đối của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định pháp luật.

## **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc quy định số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn định mức và thẩm quyền quyết định các nội dung về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2025-2030.

b) Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô

tô phục vụ công tác chung khi đi công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hoà Bình.

c) Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành định mức, phương thức quản lý, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ.

d) Điều 4, Điều 5 tại Quy định kèm theo Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh (B/c);
- Ủy ban MTTQ tỉnh Phú Thọ;
- Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- UBND các xã, phường;
- CV NCTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Trọng Tấn**

**PHỤ LỤC**  
**SỐ LƯỢNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ**  
**QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH**  
**PHÚ THỌ, GIAI ĐOẠN 2025-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:         /2025/QĐ-UBND ngày    tháng*  
*năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

| <b>TT</b>   | <b>Tên đơn vị</b>  | <b>Số lượng<br/>(cái)</b> |
|-------------|--|---------------------------|
|             | <b>TỔNG SỐ</b>   | <b>527</b>                |
| <b>I</b>    | <b>VĂN PHÒNG CẤP TỈNH</b>  | <b>19</b>                 |
| <b>1</b>    | <b>Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh</b>                                    | <b>8</b>                  |
| <b>2</b>    | <b>Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh</b>                                      | <b>11</b>                 |
| <b>2.1.</b> | <b>Khối Văn phòng</b>  | <b>8</b>                  |
| <b>2.2</b>  | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc</b>                                       | <b>3</b>                  |
| 2.2.1       | Khối Chi cục và tương đương  | 1                         |
| -           | <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công</i>                                   | <i>1</i>                  |
| 2.2.2       | Khối Đơn vị sự nghiệp  | 2                         |
| -           | <i>Trung tâm Thông tin - Công báo</i>                                      | <i>1</i>                  |
| -           | <i>Trung tâm Hội nghị tỉnh</i>   | <i>1</i>                  |
| <b>II</b>   | <b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP TỈNH</b>                          | <b>178</b>                |
| <b>A</b>    | <b>Các sở, ban ngành và tương đương cấp tỉnh</b>                           | <b>166</b>                |
| <b>1</b>    | <b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>  | <b>9</b>                  |
| <b>1.1</b>  | <b>Khối Văn phòng</b>  | <b>6</b>                  |
| <b>1.2</b>  | <b>Khối sự nghiệp</b>  | <b>3</b>                  |
| -           | <i>Trường Trung cấp Nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ</i>                       | <i>1</i>                  |
| -           | <i>Trường Cao đẳng nghề Sông Đà</i>  | <i>2</i>                  |
| <b>2</b>    | <b>Sở Tài chính</b>  | <b>8</b>                  |
| <b>2.1</b>  | <b>Khối Văn phòng</b>  | <b>6</b>                  |
| <b>2.2</b>  | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc (Đơn vị sự nghiệp)</b>                    | <b>2</b>                  |
| -           | <i>Trung tâm Nghiên cứu, tư vấn đầu tư và Dịch vụ tài chính</i>            | <i>2</i>                  |
| <b>3</b>    | <b>Sở Xây dựng</b>   | <b>10</b>                 |
| <b>3.1</b>  | <b>Khối Văn phòng</b>  | <b>7</b>                  |
| <b>3.2</b>  | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc</b>                                       | <b>3</b>                  |
| -           | <i>Ban Quản lý dự án xây dựng và Bảo trì công trình giao thông Phú Thọ</i> | <i>1</i>                  |
| -           | <i>Trung tâm Tư vấn Giám sát và Kiểm định chất lượng công trình</i>        | <i>1</i>                  |
| -           | <i>Trung tâm Kiểm định và Tư vấn xây dựng Phú Thọ</i>                      | <i>1</i>                  |
| <b>4</b>    | <b>Sở Công Thương</b>  | <b>11</b>                 |
| <b>4.1</b>  | <b>Khối Văn phòng</b>  | <b>5</b>                  |
| <b>4.2</b>  | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc</b>                                       | <b>6</b>                  |
| 4.2.1       | Khối Chi cục và tương đương  | 4                         |
| -           | <i>Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ</i>                             | <i>4</i>                  |

| <b>TT</b>  | <b>Tên đơn vị</b>  | <b>Số lượng<br/>(cái)</b> |
|------------|--|---------------------------|
| 4.2.2      | Khối Đơn vị sự nghiệp  | 2                         |
| -          | <i>Trung tâm Khuyến công và Phát triển Công thương</i>         | 2                         |
| <b>5</b>   | <b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>                                | <b>11</b>                 |
| <b>5.1</b> | <b>Khối Văn phòng</b>  | <b>6</b>                  |
| <b>5.2</b> | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc</b>                           | <b>5</b>                  |
| 5.2.1      | Khối Chi cục và tương đương                                    | 1                         |
| -          | <i>Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng</i>                  | 1                         |
| 5.2.2      | Khối Đơn vị sự nghiệp  | 4                         |
| -          | <i>Trung tâm ứng dụng và Đổi mới sáng tạo</i>                  | 1                         |
| -          | <i>Trung tâm công nghệ thông tin và chuyển đổi số</i>          | 2                         |
| -          | <i>Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</i>       | 1                         |
| <b>6</b>   | <b>Sở Nông nghiệp và Môi trường</b>                            | <b>39</b>                 |
| <b>6.1</b> | <b>Khối Văn phòng</b>  | <b>6</b>                  |
| <b>6.2</b> | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc</b>                           | <b>33</b>                 |
| 6.2.1      | Khối Chi cục và tương đương                                    | 21                        |
| -          | <i>Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước</i>                     | 2                         |
| -          | <i>Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm</i>                          | 8                         |
| -          | <i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>                   | 3                         |
| -          | <i>Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản</i>                    | 3                         |
| -          | <i>Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường</i>   | 1                         |
| -          | <i>Chi cục Phát triển nông thôn</i>                            | 1                         |
| -          | <i>Chi cục Bảo vệ môi trường và Biến đổi khí hậu</i>           | 1                         |
| -          | <i>Chi cục Quản lý đất đai, đo đạc, bản đồ và viễn thám</i>    | 1                         |
| -          | <i>Văn phòng điều phối Nông thôn mới</i>                       | 1                         |
| 6.2.2      | Khối Đơn vị sự nghiệp  | 12                        |
| -          | <i>Văn phòng Đăng ký đất đai</i>                               | 4                         |
| -          | <i>Trung tâm Khuyến nông</i>                                   | 2                         |
| -          | <i>Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường</i>                | 2                         |
| -          | <i>Trung tâm Nước sạch nông thôn và Kiểm định, kiểm nghiệm</i> | 1                         |
| -          | <i>Trung tâm Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>       | 1                         |
| -          | <i>Ban Quản lý các dự án nông nghiệp và môi trường</i>         | 1                         |
| -          | <i>Vườn Quốc gia Xuân Sơn</i>                                  | 1                         |
| <b>7</b>   | <b>Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch</b>                         | <b>18</b>                 |
| <b>7.1</b> | <b>Khối Văn phòng</b>  | <b>6</b>                  |
| <b>7.2</b> | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc (Đơn vị sự nghiệp)</b>        | <b>12</b>                 |
| -          | <i>Nhà hát Lạc Hồng</i>  | 3                         |
| -          | <i>Thư viện tỉnh</i>   | 2                         |
| -          | <i>Bảo tàng Hùng Vương</i>                                     | 2                         |
| -          | <i>Trung tâm Văn hóa Thông tin - Điện ảnh</i>                  | 2                         |
| -          | <i>Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện và Thi đấu thể thao</i>       | 3                         |
| <b>8</b>   | <b>Sở Tư pháp</b>  | <b>7</b>                  |

| <b>TT</b>   | <b>Tên đơn vị</b>   | <b>Số lượng<br/>(cái)</b> |
|-------------|---|---------------------------|
| <b>8.1</b>  | <b>Khối Văn phòng</b>   | <b>5</b>                  |
| <b>8.2</b>  | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc (Đơn vị sự nghiệp)</b>             | <b>2</b>                  |
| -           | Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 02 tỉnh Phú Thọ              | 1                         |
| -           | Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 03 tỉnh Phú Thọ              | 1                         |
| <b>9</b>    | <b>Sở Y tế</b>  | <b>17</b>                 |
| <b>9.1</b>  | <b>Khối Văn phòng</b>   | <b>6</b>                  |
| <b>9.2</b>  | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc</b>                                | <b>11</b>                 |
| 9.2.1       | Khối Chi cục và tương đương   | 2                         |
| -           | Chi cục Dân số tỉnh Phú Thọ   | 1                         |
| -           | Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Phú Thọ                      | 1                         |
| 9.2.2       | Khối Đơn vị sự nghiệp   | 9                         |
| -           | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Thọ                           | 3                         |
| -           | Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Phú Thọ                                  | 1                         |
| -           | Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Phú Thọ                             | 1                         |
| -           | Trung tâm Pháp Y tỉnh Phú Thọ                                       | 1                         |
| -           | Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người tâm thần Vĩnh Phúc | 1                         |
| -           | Trung tâm Công tác xã hội Hòa Bình                                  | 1                         |
| -           | Trường Trung cấp Y tế Hòa Bình                                      | 1                         |
| <b>10</b>   | <b>Sở Nội vụ</b>  | <b>14</b>                 |
| <b>10.1</b> | <b>Khối Văn phòng</b>   | <b>6</b>                  |
| <b>10.2</b> | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc</b>                                | <b>8</b>                  |
| 10.2        | Khối Chi cục và tương đương   | 1                         |
| -           | Ban Thi đua, Khen thưởng tỉnh                                       | 1                         |
| 10.3        | Khối Đơn vị sự nghiệp   | 7                         |
| -           | Trung tâm Lưu trữ lịch sử Phú Thọ                                   | 1                         |
| -           | Trung tâm Lưu trữ lịch sử Vĩnh Phúc                                 | 1                         |
| -           | Trung tâm Lưu trữ lịch sử Hòa Bình                                  | 1                         |
| -           | Trung tâm Điều dưỡng Người có công Phú Thọ                          | 1                         |
| -           | Trung tâm Dịch vụ việc làm Phú Thọ                                  | 1                         |
| -           | Trung tâm Dịch vụ việc làm Vĩnh Phúc                                | 1                         |
| -           | Trung tâm Dịch vụ việc làm Hòa Bình                                 | 1                         |
| <b>11</b>   | <b>Thanh tra tỉnh</b>   | <b>7</b>                  |
| <b>12</b>   | <b>Ban Quản lý các khu công nghiệp</b>                              | <b>6</b>                  |
| <b>12.1</b> | <b>Khối Văn phòng</b>   | <b>5</b>                  |
| <b>12.2</b> | <b>Khối Đơn vị thuộc, trực thuộc (Đơn vị sự nghiệp)</b>             | <b>1</b>                  |
| -           | Trung tâm phát triển hạ tầng và dịch vụ KCN                         | 1                         |
| <b>13</b>   | <b>Sở Dân tộc và Tôn giáo</b>                                       | <b>5</b>                  |
| <b>13.1</b> | <b>Khối Văn phòng</b>   | <b>5</b>                  |
| <b>14</b>   | <b>Sở Ngoại vụ</b>  | <b>4</b>                  |
| <b>14.1</b> | <b>Khối Văn phòng</b>   | <b>4</b>                  |

| TT         | Tên đơn vị  | Số lượng<br>(cái) |
|------------|---|-------------------|
| <b>B</b>   | <b>Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh</b>   | <b>12</b>         |
| 1          | Khối Lãnh đạo, các ban, đơn vị chuyên môn Ủy ban MTTQ tỉnh  | 11                |
| 2          | Khối Đơn vị sự nghiệp   | 1                 |
| -          | <i>Trung tâm văn hóa, dịch vụ và hỗ trợ cộng đồng</i>   | <i>1</i>          |
| <b>III</b> | <b>ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND CẤP TỈNH (TRỪ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)</b> | <b>22</b>         |
| 1          | Khu Di tích lịch sử Đền Hùng  | 2                 |
| 2          | Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ   | 3                 |
| 3          | Ban Quản lý dự án khu vực Vĩnh Phúc   | 4                 |
| 4          | Ban Quản lý dự án khu vực Hòa Bình  | 3                 |
| 5          | Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Phú Thọ   | 2                 |
| 6          | Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Phú Thọ  | 3                 |
| 7          | Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Vĩnh Phúc  | 2                 |
| 8          | Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực Hòa Bình   | 3                 |
| <b>IV</b>  | <b>ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND TỈNH THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ</b>                  | <b>12</b>         |
| 1          | Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ  | 2                 |
| 2          | Trường Cao đẳng Nghề Phú Thọ  | 2                 |
| 3          | Trường Cao đẳng Kỹ thuật - Công nghệ Vĩnh Phúc  | 3                 |
| 4          | Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc   | 2                 |
| 5          | Trường Đại học Hùng Vương   | 3                 |
| <b>V</b>   | <b>CÁC XÃ, PHƯỜNG</b>   | <b>296</b>        |
| 1          | Ủy ban nhân dân xã/phường   | 148               |
| 2          | Đảng ủy xã/phường   | 148               |